TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/DS-ST
Ngày 18 tháng 9 năm 2020
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Bắc

Bà Tô Thị Lành

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Síu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Cao Thảo Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 202/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1966 (Vắng mặt);

Địa chỉ: 276 Phan Đình P, tổ 6, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Đức N, sinh năm 1961 (Có mặt);

Địa chỉ: 203 Phan Đình P, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2020).

Bị đơn: Chị Phạm Thị Thanh D, sinh năm 1976 (Có mặt);

Địa chỉ: 272 Phan Đình P, tổ 6, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/8/2020, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Ngô Đức N trình bày:

Bà Nguyễn Thị L với bà Phạm Thị Thanh D là chỗ chị em quen biết nhau. Bà D có vay của bà L số tiền 120.000.000đ vào ngày 26/4/2020 và hẹn cuối tháng 4 năm

2020 sẽ trả đủ cho bà L. Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận lãi theo mức lãi suất gấp đôi ngân hàng, bà L đòi nhiều lần nhưng bà D không trả.

Nay bà L yêu cầu bà D trả số tiền nợ gốc là 120.000.000đ và tiền lãi kể từ ngày vay 26/4/2020 cho đến nay (18/9/2020) với mức lãi suất là 9%/năm và tiền lãi cho đến khi thanh toán xong nợ.

Ngoài ra bà L không có yêu cầu nào khác.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn là chị Phạm Thị Thanh D trình bày:

Tôi và bà L có quan hệ, quen biết nhau. Tôi thừa nhận có nợ số tiền gốc 120.000.000đ như yêu cầu khởi kiện của bà L, nhưng đây là các khoản vay trước đây cộng lại, gồm cả tiền nợ ngày. Việc vay mượn không xác định thời hạn với lãi suất 9%/tháng, tôi đã trả được một khoản tiền lãi, sau đó không có khả năng tiếp tục trả, số tiền lãi đã trả bao nhiêu thì tôi không nhớ. Tuy nhiên tôi không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh về tiền nợ này bao gồm cả tiền nợ lãi, và số tiền lãi tôi đã trả cho bà Nguyễn Thị L.

Việc vay mượn do một mình tôi đứng ra không liên quan đến ai khác. Nay do điều kiện kinh tế khó khăn, tôi xin được trả dần cho bà L số tiền nợ gốc là 120.000.000đ mỗi tháng 3.000.000đ, kể từ tháng 10/2020 cho đến khi hết nợ. Xin không trả lãi, vì tôi đã trả lãi và nay gặp khó khăn, không có khả năng trả lãi.

Kiểm sát viên có ý kiến phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu của nguyên đơn, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ pháp luật tố tụng theo quy định. Thẩm phán, Thư ký, HĐXX đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc, lãi theo quy định và buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của kiểm sát viên, trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản không xác định thời hạn và có lãi; bị đơn cư trú tại địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Đối với khoản nợ gốc phía bị đơn thừa nhận bà D nợ của bà L số tiền 120.000.000đ. Đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản

2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định bà D nợ bà L là sự thật. Do đó cần buộc bà D phải trả cho bà L số tiền này.

Đối với khoản tiền lãi: HĐXX xét thấy giấy mượn tiền ngày 26/4/2020 các bên có thỏa thuận lãi suất do hai bên thỏa thuận, nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất, tại phiên tòa các đương sự đều thừa nhận vay có lãi, nhưng không thống nhất được với nhau về mức lãi suất. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi tính theo mức 9%/năm là phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Nguyên đơn cho rằng hợp đồng vay có thời hạn, nhưng bị đơn cho rằng hợp đồng vay không xác định thời hạn, căn cứ giấy mượn tiền không ghi cụ thể thời hạn trả nên xác định là hợp đồng không xác định thời hạn. Thời gian vay từ ngày 26/4/2020 đến nay (18/9/2020) là 4 tháng 22 ngày. Do đó tiền lãi được tính là 120.000.000đ x 9%/năm x 4 tháng 22 ngày = 4.260.000đ. Cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn. Bị đơn cho rằng đã trả cho nguyên đơn tiền lãi, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh, đồng thời phía nguyên đơn không thừa nhận bị đơn đã trả tiền lãi, nên HĐXX không có cơ sở xác định số tiền lãi bị đơn đã trả để khấu trừ vào số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn.

[4] **Về tiền án phí:**

Cần buộc bị đơn bà Phạm Thị Thanh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 91, 235, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Áp dụng các Điều 275, 280, 385, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

1.Buộc bà Phạm Thị Thanh D phải trả cho bà Nguyễn Thị L tổng số tiền là 124.260.000đ (Một trăm hai bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó, nợ gốc là 120.000.000đ, lãi là 4.260.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

1.Buộc bà Phạm Thị Thanh D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán là 6.213.000đ (Sáu triệu hai trăm mười ba nghìn đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.Bà Nguyễn Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.078.750đ (Ba triệu không trăm bảy mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) theo biên lai số 0005380, ngày 21/8/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu người thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Tiến